ĐƠN VỊ: VĂN PHÒNG SỞ NỘI VỤ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG *Mẫu biểu số 75*
MÃ QHNS: 1134361

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG (THÁNG 1- THÁNG 6) NĂM 2026

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chgi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTT ngày 25/3/2026 của Bộ tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Văn phòng Sở Nội vụ thành phố Hải Phòng Công khai tình hình thực hiện dự toán thu- chi ngân sách 3 tháng (Từ tháng 1 đến tháng 6) năm 2026 như sau:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện dự toán năm (Tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng so với cùng kỳ năm trước (Tỷ lệ %)
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	-		**0**	**0**
I	**Số thu phí, lệ phí**			**0**	**0**
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**			**0**	**0**
III	**Số phí, lệ, phí nộp ngân sách nhà nước**			**0**	**0**
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**287,839,488,361**	**111,650,003,753**	**38.8**	**64.18**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**287,839,488,361**	**111,650,003,753**	**38.8**	**64.18**
1	**Chi quản lý hành chính**	**84,645,616,361**	**43,920,157,914**	**51.9**	**87.97**
a	Kinh phí giao thực hiện tự chủ	30,772,861,961	14,917,285,391	48.5	74.66
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	53,872,754,400	29,002,872,523	53.8	96.85
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	-	-		
a	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
b	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
c	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				

3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	-	-		**0**
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				**0**
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	**104,685,470,000**	**60,334,572,014**	**57.63**	**0**
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	104,685,470,000	60,334,572,014	57.63	0
5	**Chi bảo đảm xã hội**	**89,370,000,000**	**2,280,046,825**	**2.55**	**1.89**
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				**0**
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	89,370,000,000	2,280,046,825	2.55	1.90
6	**Chi hoạt động kinh tế**	**9,138,402,000**	**5,115,227,000**	**55.98**	**162.40**
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	9,138,402,000	5,115,227,000	55.98	162.40
...					
II	**Nguồn vốn viện trợ**				

Hải phòng, ngày 02 tháng 7 năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NỘI VỤ
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Sái Thị Yến